

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

Ban hành kèm theo quyết định số 1272/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			30								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác - Lênin	2	2							
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác - Lênin	3		3						
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác - Lênin	2			2					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Mác - Lênin	2				2				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			9								
7	Kỹ năng học đại học	Essential College Study Skills	STUD101	Tiếng Anh	3	3							
9	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft skills and Entrepreneurship	COPS111	Phát triển kỹ năng	3		3						
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	RESE103	Tiếng Anh	3				3				
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			2								
10	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2			2					
I.4	Ngoại ngữ	Foreign Language			6								
11	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	JAP112	Tiếng Anh	3			3					
12	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	JAP223	Tiếng Anh	3				3				
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			110								
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			6								
13	Dẫn luận ngôn ngữ	Introduction to Linguistics	LING103	Phát triển kỹ năng	2			2					
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	CULT104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
15	Lịch sử văn minh thế giới	History of World Civilization	CIVI104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			49								
16	Luyện âm tiếng Anh	English Pronunciation Training	EPRO101	Tiếng Anh	3	3							
17	Kỹ năng tiếng tổng hợp 1	English Integrated Skill 1	ENGL111	Tiếng Anh	4	4							
18	Kỹ năng tiếng tổng hợp 2	English Integrated Skill 2	ENGL121	Tiếng Anh	4	4							
19	Kỹ năng tiếng tổng hợp 3	English Integrated Skill 3	ENGL132	Tiếng Anh	4		4						
20	Kỹ năng tiếng tổng hợp 4	English Integrated Skill 4	ENGL142	Tiếng Anh	4		4						
21	Kỹ năng Nghe 1	English Listening Skill 1	LIST113	Tiếng Anh	2			2					
22	Kỹ năng Nói 1	English Speaking Skill 1	SPEA113	Tiếng Anh	2			2					
23	Kỹ năng Đọc 1	English Reading Skill 1	READ113	Tiếng Anh	2			2					
24	Kỹ năng Viết 1	English Writing Skill 1	WRIT113	Tiếng Anh	2			2					
25	Kỹ năng Nghe 2	English Listening Skill 2	LIST124	Tiếng Anh	2				2				
26	Kỹ năng Nói 2	English Speaking Skill 2	SPEA124	Tiếng Anh	2				2				
27	Kỹ năng Đọc 2	English Reading Skill 2	READ124	Tiếng Anh	2				2				
28	Kỹ năng Viết 2	English Writing Skill 2	WRIT124	Tiếng Anh	2				2				
29	Kỹ năng Đọc 3	English Reading Skill 3	READ135	Tiếng Anh	3					3			
30	Kỹ năng Viết 3	English Writing Skill 3	WRIT135	Tiếng Anh	3					3			
31	Kỹ năng Nghe 3	English Listening Skill 3	LIST135	Tiếng Anh	3					3			
32	Kỹ năng Nói 3	English Speaking Skill 3	SPEA135	Tiếng Anh	3					3			
33	Kỹ năng tư duy phê phán	Critical Thinking Skills	CRIT106	Tiếng Anh	2						2		
II.3	Kiến thức ngành	Core Units			15								
II.3.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			11								
34	Ngữ pháp Tiếng Anh	English Grammar	GRAM111	Tiếng Anh	3			3					
35	Dẫn nhập Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh	Introduction to English Phonetics and Phonology	PHON104	Tiếng Anh	2					2			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
36	Đất nước học Anh-Mỹ	British-American Country Study	BACS106	Tiếng Anh	3						3		
37	Giao thoa văn hoá	Cross-Cultural Communication	CROS106	Tiếng Anh	3						3		
II.3.2	Các học phần lựa chọn	Selective Units			4					4			
38	Dẫn nhập ngữ nghĩa học tiếng Anh	Introduction to English Semantics	SEMA105	Tiếng Anh	2					2			
39	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu	Introduction to Contrastive Analysis	CONT105	Tiếng Anh	2					2			
40	Dẫn nhập ngữ dụng học Tiếng Anh	Introduction to English Pragmatics	PRAG105	Tiếng Anh	2					2			
41	Dẫn nhập từ vựng học Tiếng Anh	Introduction to English Lexicology	LEXI105	Tiếng Anh	2					2			
42	Dẫn nhập phân tích diễn ngôn	Introduction to Discourse Analysis	DISC105	Tiếng Anh	2					2			
II.4	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation thesis			10								
43	Thực tập tốt nghiệp	Internship	INTE108	Tiếng Anh	3								3
44	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	PAPE108	Tiếng Anh	7								7
II.5	Kiến thức chuyên ngành	English Language Expertise			30								
II.5.1	Chuyên ngành Biên - Phiên dịch	Translation and Interpretation			30								
II.5.1.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
45	Biên dịch 1	Translation 1	TRAN126	Tiếng Anh	3						3		
47	Phiên dịch 1	Interpreting 1	INTE116	Tiếng Anh	3						3		
49	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	TRAN116	Tiếng Anh	3						3		
46	Biên dịch 2	Translation 2	TRAN137	Tiếng Anh	3							3	
48	Phiên dịch 2	Interpreting 2	INTE127	Tiếng Anh	3							3	
50	Nghệ thuật nói trước công chúng	The Art of Public Speaking	APS107	Tiếng Anh	3							3	
51	Biên phiên dịch nâng cao	Advanced Translation and Interpreting	TRAN147	Tiếng Anh	3							3	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II.5.1.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9							9	
52	Tiếng Anh Kinh tế và Giao tiếp thương mại	English for Economics and Business Communication	EEBC107	Tiếng Anh	3							3	
53	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng	English for Finance and Banking	FINA107	Tiếng Anh	3							3	
54	Tiếng Anh cho Công nghệ Thông tin	English for Information Technology	INFO107	Tiếng Anh	3							3	
55	Kỹ năng biên tập văn bản và viết báo cáo	Document Composing and Report Writing Skills	DOCU107	Tiếng Anh	3							3	
56	Tiếng Anh du lịch – khách sạn	English for Tourism and Hospitality	TOUR107	Tiếng Anh	3							3	
57	Tiếng Anh báo chí Truyền thông	English for Media and Journalism	JOUR107	Tiếng Anh	3							3	
58	Thư tín thương mại	Business Correspondence	CORR107	Tiếng Anh	3							3	
	Tổng cộng (I + II)	Total			140	16	14	20	20	20	19	21	10
II.5.2	Chuyên ngành Quản trị và truyền thông	Administration and Communication			30								
II.5.2.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
59	Biên dịch 1	Translation 1	TRAN126	Tiếng Anh	3						3		
60	Phiên dịch 1	Interpreting 1	INTE116	Tiếng Anh	3						3		
62	Quản trị nhân lực	Human Resources Management	HRM107	Tiếng Anh	3						3		
61	Quan hệ công chúng	Public Relations	PR106	Tiếng Anh	3							3	
63	Quản lý dự án	Project Management	PROJ107	Tiếng Anh	3							3	
64	Quản trị sự kiện	Event management	EVEN107	Tiếng Anh	3							3	
65	Quản trị văn phòng	Office management	OMAN107	Tiếng Anh	3							3	
II.5.2.2	Các học phần tự chọn	Selective Units			9							9	
66	Tiếng Anh Kinh tế và Giao tiếp thương mại	English for Economics and Business Communication	EEBC107	Tiếng Anh	3							3	
67	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng	English for Finance and Banking	FINA107	Tiếng Anh	3							3	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
68	Tiếng Anh báo chí truyền thông	English for Media and Journalism	JOUR107	Tiếng Anh	3							3	
69	Kỹ năng đàm phán kinh doanh	Business Negotiating Skills	NEGO107	Tiếng Anh	3							3	
70	Kỹ năng biên tập văn bản và viết báo cáo	Document Composing and Report Writing Skills	DOCU107	Tiếng Anh	3							3	
71	Thư tín thương mại	Business Correspondence	CORR107	Tiếng Anh	3							3	
	Tổng cộng (I + II)	Total			140	16	14	20	20	20	19	21	10